

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2019/HC-PT

Ngày 22 - 7 - 2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định
giải quyết khiếu nại trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 927/2018/HCST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 913/2019/QĐPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đặng Thị Phương H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 309 DT, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện BC (xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1975 – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện BC (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC.

3. Ủy ban nhân dân huyện BC.

Cùng địa chỉ: 349 TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC và Ủy ban nhân dân huyện BC: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC (Theo văn bản số 725, 725/UQ-UBND ngày 05/4/2017 xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC và Ủy ban nhân dân huyện BC: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1975 – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện BC (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, bà Đặng Thị Phương H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Đặng Thị Phương H trình bày:

Nhà và đất tại số G5/30A ấp 7, xã LXM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Đặng Thị Phương H có nguồn gốc của ông Đặng Văn H2 sử dụng từ ngày 15/03/1997. Ông H2 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bạch L bằng giấy tay với diện tích (5.3m x 9.3m). Sau đó, bà L cải tạo đất và làm nhà để ở, có kê khai năm 1999. Ngày 09/9/2001, bà L chuyển nhượng lại cho bà H bằng giấy tay với diện tích (5.3m x 19.3m), trên nền đất có 01 căn nhà lá 14m², cột gỗ, mái lá, vách lá, nền xi măng. Đến tháng 01/2002, bà H cải tạo lại căn nhà này. Ngày 07/9/2012, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 5207/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ đối với bà H.

Không đồng ý với quyết định trên, bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện BC, yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng trong dự án theo đơn giá đất ở; yêu cầu bồi thường vật kiến trúc nhà và yêu cầu được tái định cư. Ngày 06/02/2013, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H, có nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà H. Không đồng ý, bà H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/9/2013, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H, có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định 779/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H.

Ngày 25/9/2014, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 12940/QĐ-UBND bổ sung bồi thường giếng khoan đối với bà H. Ngày 15/4/2015, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 2639/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và cây trồng đối với bà H. Ngày 08/12/2015, UBND huyện BC ban hành Quyết định số 11078/QĐ-UBND bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đồng hồ điện, giếng khoan và hỗ trợ chi phí thuê nhà đối với bà H. Ngày 04/6/2015, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành Quyết định số 4526/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 30/7/2015, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành Quyết định

số 6325/QĐ-UBND về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế theo 4526/QĐ-UBND. Ngày 18/8/2015, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành Quyết định số 7120/QĐ-UBND về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo 4526/QĐ-UBND. Tuy nhiên, ngày 10/9/2015, bà H đã đồng ý bàn giao mặt bằng cho UBND huyện BC.

Vì vậy, bà H yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 07/9/2012 của UBND huyện BC (kèm theo Bảng chiết tính số 1023/PCT-BBT ngày 25/7/2012); Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện BC; Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC; Quyết định số 7120/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC;

Người bị kiện trình bày:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Diện tích 111,8m², thuộc một phần thửa 190, tờ bản đồ số 03 bị thu hồi có nguồn gốc do bà H mua lại của bà Nguyễn Thị Bạch L và ông Đặng Văn H2 vào năm 2001. Đến 9/2002, bà H xây dựng nhà không phép và ở cho đến khi bị thu hồi để thực hiện dự án. Căn cứ Tờ trình nguồn gốc nhà đất và Tờ tự kê khai tình hình sử dụng đất đai, nhà ở vật kiến trúc và các tài sản khác hiện có trên đất ngày 27/02/2009 do bà H kê khai (có xác nhận của UBND xã LMX) xác định nguồn gốc nhà, đất do nhận chuyển nhượng của bà L và Ông H2 vào năm 2001, nhà do bà H tự xây, dùng để ở. Ngày 17/9/2002, Chủ tịch UBND xã LMX ban hành Quyết định số 162/QĐ-UB-XP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đối với bà H về hành vi xây dựng nhà cấp 4 không phép và vi phạm lộ giới tại địa chỉ số G5/30 ấp 7, xã LMX, huyện BC.

Theo Công văn số 1303/UBND ngày 27/3/2013 của UBND huyện BC xác định tại tờ chuyển nhượng (giấy tay) của Ông H2 ngày 13/9/2001 và tờ chuyển nhượng (giấy tay) của bà L ngày 13/9/2001, xác định phần đất mà bà H nhận chuyển nhượng từ Ông H2 và bà L không thể hiện căn nhà mà bà L đã kê khai tại Tờ khai đăng ký nhà đất năm 1999 (diện tích nhà 14m²). Đồng thời tại Biên bản họp dân ngày 09/7/2013 của UBND xã LMX xác định căn nhà không số có diện tích 14m² theo Tờ khai đăng ký nhà đất năm 1999 của bà L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Thành, bà H chỉ nhận chuyển nhượng phần đất trống. Như vậy, thời điểm bà H xây dựng căn nhà G5/30 ấp 7, xã LMX vào ngày 17/9/2002.

Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 111,8m² theo đơn giá đất ở: Căn cứ Điểm 2.2, Khoản 2, Khoản 3, Phần VIII, Chương II của Phương án số 115/PA-HĐBT ngày 25/5/2012 (gọi tắt là PA số 115) thì giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường trong khu dân cư nông thôn là 828.571 đồng/m². Đối chiếu các quy định trên, việc UBND huyện BC tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bà H đang sử dụng có diện tích 111,8m² theo đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường trong

khu dân cư nông thôn với đơn giá 828.571 đồng/m² là đúng quy định (do trên đất được xây dựng nhà ở sau ngày 22/4/2002).

Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường vật kiến trúc: Căn cứ Điểm b, c, d Khoản 2, Phần I, Chương III của PA số 115 thì căn nhà của bà H đang sử dụng có thời điểm xây dựng sau ngày 22/4/2002, đồng thời căn nhà khi xây dựng đã bị UBND xã LMX ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, việc UBND huyện BC không bồi thường về vật kiến trúc là đúng quy định.

Vì vậy, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành 4967/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

2. Người bị kiện UBND huyện BC và Chủ tịch UBND huyện BC trình bày:

Hộ bà H bị thu hồi diện tích 111,8m² thuộc thửa 180, loại đất T, tờ bản đồ số 23, tài liệu đo năm 2003 (tương ứng một phần thửa 190, loại đất mùa, tờ bản đồ số 3, tài liệu 299/TTg), bộ địa chính xã LMX. Ngày 07/9/2012, UBND huyện BC ban hành Quyết định 5207/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với bà H. Bà H đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Do không đồng ý với Quyết định 5207/QĐ-UBND, bà H có đơn khiếu nại. Ngày 06/02/2013, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành Quyết định 779/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà H, giữ nguyên và công nhận Quyết định 5207/QĐ-UBND.

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Theo Tờ tự khai của bà H được UBND xã LMX xác nhận ngày 23/9/2009 thì nguồn gốc đất do bà H nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Bạch L và ông Đặng Văn H2 năm 2001. Thời điểm xây dựng căn nhà ngày 17/9/2002, mục đích dùng để ở, hiện không có tranh chấp. Văn bản ngày 03/7/2012 của UBND xã LMX, có nội dung: “Tình trạng pháp lý của lô đất: Bà Đặng Thị Phương H mua lại của bà Nguyễn Thị Bạch L và của ông Đặng Văn H2. Ông (bà) nêu trên sử dụng đất từ năm 2001, thuộc thửa 180, tờ bản đồ 23, tài liệu đo mới năm 2003. Thời điểm xây dựng nhà ngày 17/9/2002, nhà xây dựng không phép, hiện không có tranh chấp”. Như vậy, thời điểm bà H xây dựng căn nhà là tháng 9/2002, đã bị UBND xã LMX xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý xây dựng tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 17/9/2002.

- Về bồi thường, hỗ trợ đất: Căn cứ Điểm 2.2, Khoản 2, Khoản 3, Phần VIII, Chương II của PA số 115 thì giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường trong khu dân cư nông thôn là 828.571 đồng/m² nên UBND huyện BC tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bà H đang sử dụng có diện tích 111,8m² theo đất nông nghiệp trồng cây lâu năm mặt tiền đường trong khu dân cư nông thôn với đơn giá 828.571 đồng/m² là đúng quy định.

- Về bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: Theo xác nhận của UBND xã LMX trong Tờ tường trình nguồn gốc nhà đất ngày 09/12/2009, căn nhà G5/30 ấp 7, xã LMX, huyện BC bị ảnh hưởng trong dự án có thời điểm xây dựng tháng 9/2002. Theo Quyết định số 162/QĐ-UBND-XP ngày 17/9/2002 của UBND xã LMX đã xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý xây dựng, quản lý công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đối với bà Huyền về hành vi vi phạm xây dựng nhà cấp 4 không phép. Căn cứ điểm Phần I, Chương III của PA số 115 thì căn

nhà nêu trên của bà H có thời điểm xây dựng sau ngày 22/4/2002; đồng thời khi xây dựng căn nhà đã bị UBND xã LMX xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý xây dựng. Do đó, UBND huyện BC không bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc là đúng quy định.

- Về yêu cầu bố trí tái định cư: Căn cứ quy định tại Khoản 1, Phần II, Chương VI của PA số 115 thì trường hợp của bà H không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ đất ở theo quy định tại Phần IV, Chương II của Phương án nên không đủ điều kiện xét bố trí nền đất tái định cư.

UBND huyện BC, Chủ tịch UBND huyện BC không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy Quyết định 5207/QĐ-UBND và Quyết định 779/QĐ-UBND.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 927/2018/HC-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phương H về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 07/9/2012 của UBND huyện BC về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ đối với bà H kèm theo Bảng chiết tính số 1023/PCT-BBT ngày 25/7/2012;

- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của bà H;

- Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà H;

- Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 04/6/2015;

- Quyết định số 7120/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2018, người khởi kiện, bà Đặng Thị Phương H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Năm 2001, bà H mua diện tích (5,3m x 19,3m) của bà Nguyễn Thị Bạch L. Sau đó có mua thêm diện tích (1,5m x 19,3m) của ông Đặng Văn H2. Năm 2001, bà H xây căn nhà hiện tại trên diện tích đất mua của bà L, Ông H2 nhưng khi kê khai lại ghi xây tháng 9/2002. Khi xây nhà có bị Chủ tịch UBND xã LMX xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng nhà không phép theo Quyết định 162/QĐ-UB-XP

Ngày 17/9/2002. Vì vậy, UBND huyện BC bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của UBND huyện BC trình bày: Hồ sơ bồi thường thể hiện nhà do bà H xây dựng tháng 9/2002. Vì vậy, theo quy định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì đất thu hồi 111,8m² thuộc trường hợp bồi thường theo loại đất nông nghiệp, không phải đất ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bà H khai xây nhà trên đất vào tháng 9/2002, được UBND xã LMX xác nhận ngày 23/9/2002 nên thuộc trường hợp bồi thường theo loại đất nông nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà H là đúng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Bà H kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà H yêu cầu hủy các Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 07/9/2012 của UBND huyện BC về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ đối với bà H kèm theo Bảng chiết tính số 1023/PCT-BBT ngày 25/7/2012; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của Chủ tịch UBND huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của bà H; Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà H; Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 04/6/2015; Quyết định số 7120/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 04/6/2015.

[3] Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: UBND, Chủ tịch UBND huyện BC ban hành các Quyết định 5207/QĐ-UBND, Quyết định số 779/QĐ-UBND, Quyết định số 7120/QĐ-UBND, Quyết định số 6325/QĐ-UBND, Quyết định số 4526/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4967/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định hành chính nêu trên hợp pháp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Bà H bị thu hồi 111,8m² thuộc một phần thửa 190, tờ bản đồ số 3, thuộc Bộ địa chính xã LMX để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng Tỉnh lộ 10, huyện BC. Nguồn gốc phần đất trên, một phần do bà H nhận chuyển nhượng diện tích (5.3m x 19.3m) của bà Nguyễn Thị Bạch L, phần còn lại diện tích (1,5m x 19,3m) thì bà H nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn H2. Tháng 9/2002, bà H xây dựng căn nhà diện tích (3m x 13,50m) trên phần đất đã mua của Ông H2, bà L nhưng không có giấy phép xây dựng nên ngày 16/9/2002 UBND LMX đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và ngày 17/9/2002, Chủ tịch UBND xã LMX ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 162/QĐ-UB-XP. Tuy nhiên, bà H vẫn sử dụng căn nhà trên cho đến khi bị thu hồi giải tỏa để thực hiện dự án. Tại Tờ tự kê khai do bà H lập ngày 27/02/2009, được UBND xã LMX xác nhận ngày 23/9/2009, có nội dung: Bà H xác định nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của bà L và Ông H2 năm 2001, nhà do bà H tự xây dựng vào tháng 9/2002, dùng để ở. Phù hợp với xác nhận của UBND xã LMX ngày 03/7/2012, có nội dung: Nguồn gốc đất do bà H nhận chuyển nhượng của bà L và Ông H2, nhà do bà H tự xây dựng tháng 9/2002. Tờ sang nhượng ngày 09/9/2001 của bà L thể hiện: Bà L chỉ chuyển nhượng đất cho bà H, không chuyển nhượng nhà.

[3.2.2] Diện tích 111,8m² bị thu hồi giải tỏa là đất nông nghiệp, trên đất có nhà ở nhưng được xây dựng sau ngày 22/4/2002 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi giải tỏa theo đơn giá đất ở, bồi thường vật kiến trúc theo giá thị trường và xem xét tái định cư là có cơ sở, phù hợp với Phương án số 115/PA-HĐBT ngày 25/5/2012 của UBND huyện BC.

[3.2.3] Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu hủy Quyết định số 6325/QĐ-UBND và Quyết định số 7120/QĐ-UBND, thấy rằng: Chủ tịch UBND huyện BC ban hành quyết định cưỡng chế (Quyết định số 4526/QĐ-UBND) và các quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế. Tuy nhiên, sau đó UBND huyện BC tiếp tục vận động, thuyết phục và đến ngày 10/9/2015, bà H đồng ý bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 21, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Phương H.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 927/2018/HCST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phương H về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 5207/QĐ-UBND ngày 07/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện BC về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ đối với bà H kèm theo Bảng chiết tính số 1023/PCT-BBT ngày 25/7/2012;

- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về việc giải quyết khiếu nại của bà H;

- Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà H;

- Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 04/6/2015;

- Quyết định số 7120/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

4. Về án phí:

4.1 *Án phí sơ thẩm:* Bà Đặng Thị Phương H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0031173 ngày 23/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp xong.

4.2 *Án phí phúc thẩm:* Bà Đặng Thị Phương H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049434 ngày 20/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp xong.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 22 tháng 7 năm 2019)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. 14 (án TTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương